

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/DS-PT

Ngày 27/9/2022

*“V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng.

Các Thẩm phán: Bùi Danh Đại và ông Lê Văn Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 8 năm 2022 về việc *“Tranh chấp quyền sử dụng đất”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DS-ST ngày 05/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư jut, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 44/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần Cao su Đ Đắk Nông, địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện C , tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Trọng T – Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Mạnh H – Trưởng phòng Hành chính, Thanh tra, Bảo vệ. Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện C , tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nông Quốc C và bà Nông Thị H, địa chỉ: Thôn 9, xã Đ, huyện C , tỉnh Đắk Nông – Điều có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trọng Y – Phó Chủ tịch – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Trọng Y: Ông Ngô Chí T – Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Do có kháng cáo của Công ty Cổ phần Cao su Đ Đắk Nông là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nam 2008, Công ty Cổ phần Cao su Đ Đắk Nông (công ty Đ) được UBND tỉnh Đắk Nông cho thuê 1.253,48ha đất tại địa bàn xã Đ và xã Ea Pô huyện C để thực hiện dự án trồng cao su theo các Quyết định giao đất số: 1522/QĐ-UBND ngày 05/10/2009 và Quyết định 409/QĐ-UBND ngày 24/5/2011 của UBND tỉnh Đắk Nông và Hợp đồng thuê đất số: 11/HĐTĐ ngày 5/5/2011 và số: 08/HĐTĐ ngày 25/3/2015 giữa Sở Tài Nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông và Công ty Đ. Sau khi thuê đất, Công ty Đ được UBND tỉnh Đắk Nông cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi thuê đất, công ty Đ phát hiện vợ chồng ông Nông Quốc C và bà Nông Thị H lấn chiếm đất của công ty nhiều lần, diện đất lấn chiếm 22.556m², loại đất rừng sản xuất. Công ty Đ đã 3 lần lập biên bản về việc lấn chiếm đất của ông C, bà H và yêu cầu trả đất nhưng ông C, bà H không chấp nhận. Vì vậy, Công ty Đ đề nghị UBND xã Đ hòa giải tranh chấp đất đai, kết quả không thành nên Công ty Đ khởi kiện ông C, bà H tại Tòa án nhân dân huyện C, yêu cầu buộc phải trả diện tích đất lấn chiếm là 22.556m², đất tọa lạc tại tiểu khu 839, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Tuy nhiên việc ông C, bà H yêu cầu công ty Đ phải bồi thường tiền đất và tài sản trên đất với tổng số tiền 347.407.900 đồng thì công ty Đ không chấp nhận, Công ty chỉ đồng ý hỗ trợ tiền công khai phá và bồi thường tài sản trên đất với tổng số tiền 100.000.000 đồng. Vì hộ ông C, bà H tự ý lấn chiếm đất của công ty nên công ty không bồi thường đất và tài sản trên đất mà chỉ hỗ trợ một phần cho ông C, bà H.

Bị đơn ông Nông Quốc C và bà Nông Thị H trình bày:

Năm 1997, gia đình ông C, bà H chuyển từ Cao Bằng vào Đắk Nông làm kinh tế mới và được ông Y R, trú tại thôn 1 xã T, huyện C (bố nuôi của ông C, bà H, ông Y R chết năm 2019) chia cho một khu đất gồm 03 quả đồi, sau đó ông C, bà H khai phá thêm, diện tích khoảng 5ha, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Thời gian đầu mới khai phá ông C, bà H trồng các loại cây hoa màu, sau đó chuyển sang trồng các loại cây tiêu, cà phê và một số cây ăn trái. Đến năm 2018, ông C, bà H đến UBND xã Đ kê khai cấp đất và sau đó được UBND huyện C cấp một phần diện tích đất khoảng 9.218m², diện tích còn lại do nằm trong vùng dự án trồng cao su của công ty Đ nên UBND huyện C không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc Ủy ban

nhân dân (UBND) tỉnh Đắk Nông cho công ty Đ thuê đất trồng cây cao su thì ông C, bà H không biết. Ông C, bà H chỉ nhớ vào khoảng những năm 2011-2013 (không nhớ thời gian cụ thể) thì công ty Đ có triển khai dự án trồng cây cao su tại khu vực đất thôn 9, xã Đ (trong đó có diện tích đất tranh chấp giữa ông C, bà H với công ty Đồng Phú), lúc đó thì một số hộ dân có đất gần đất ông C, bà H được mời đến UBND xã Đ nhận tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để giao cho công ty Đồng Phú. Nhưng gia đình ông C, bà H không nhận được bất cứ loại giấy tờ nào liên quan đến việc thu hồi đất và bồi thường đất. Đến năm 2019, phía công ty Đ cho người đến ngăn chặn không cho gia đình ông, bà canh tác trên chính thửa đất ông, bà sử dụng nhiều năm qua. Ông C, bà H thừa nhận diện tích đất hiện tranh chấp nằm trong vùng dự án Nhà nước giao cho công ty Đ thuê nên đồng ý giao lại diện tích 22.556m² đất cho công ty Đ nhưng công ty phải bồi thường tiền đất và tài sản trên đất đã được Hội đồng định giá huyện C xác định, tổng giá trị 347.407.900 đồng (theo đơn phản tố ngày 22/4/2021 của ông C, bà H).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngày 11/01/2011, Công ty Đ có tờ trình số: 01/TTr-HĐQT về việc xin thuê đất trồng Cao su thuộc dự án trồng cao su và quản lý, bảo vệ rừng tại địa bàn huyện C, tỉnh Đắk Nông. Sau đó, ngày 22/3/2011, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông đã có tờ trình số 33/TT-TN&MT về việc thu hồi 4.213ha đất của Lâm trường C (cũ) và giao cho UBND huyện C quản lý và bố trí sử dụng. Ngày 24/3/2011, UBND tỉnh Đắk Nông ban hành quyết định số: 407/QĐ-UBND về việc thu hồi 4.213ha đất của Lâm trường C và giao cho UBND huyện C quản lý, sử dụng. Ngày 24/3/2011, UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Quyết định số: 409/QĐ-UBND về việc cho công ty Đ thuê 1.253,48ha đất để thực hiện dự án trồng Cao su, trồng rừng và quản lý, bảo vệ rừng. Sau khi thuê đất UBND tỉnh Đắk Nông đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 1.253,48ha cho Công ty Đ. Như vậy, UBND tỉnh Đ cho công ty Đ thuê đất đảm bảo tuân thủ các quy định tại Điều 125 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2002 của Chính phủ.

Những người làm chứng:

Ông Lê Văn T trình bày: Ông T làm nhân viên bảo vệ rừng của công ty Đ từ năm 2010, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tuần tra, bảo vệ rừng có phát hiện ông C, bà H lấn chiếm đất rừng của công ty nên đã lập biên bản sự việc, cụ thể như sau: Ngày 15/3/2017, ông T và ông Lê Đình Th (nhân viên công ty) đã lập biên bản về việc ông C, bà H lấn chiếm đất nhưng ông C, bà H không hợp tác, không ký biên bản làm việc. Ngày 20/12/2017, ông Tuấn và ông Th phát hiện ông C, bà H lấn chiếm đất của công ty tại tiểu khu 839 nên tiến hành lập biên bản sự việc nhưng ông C, bà H không hợp tác và không ký biên bản. Ngày 25/3/2018, ông Tuấn và ông Lê Đình Th tiếp tục phát hiện ông C, bà H lấn chiếm đất nên đã tiến hành lập biên bản nhưng ông

C, bà H không hợp tác làm việc, không ký biên bản. Tất cả các lần vi phạm của ông C, bà H thì ông T, ông Th đều báo cho công ty biết để xử lý.

Ông Lê Đình Th trình bày: Ông Th làm nhân viên bảo vệ rừng của công ty Đ từ năm 2009, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tuần tra, bảo vệ rừng có phát hiện ông C, bà H lấn chiếm đất rừng của công ty nên đã lập biên bản sự việc, cụ thể như sau: Ngày 15/3/2017, ông Th và ông Lê Văn T (nhân viên công ty) đã lập biên bản về việc ông C, bà H lấn chiếm đất nhưng ông C, bà H không hợp tác, không ký biên bản làm việc. Ngày 20/12/2017, ông Th và ông Lê Văn T tiếp tục phát hiện ông C, bà H lấn chiếm đất của công ty tại tiểu khu 839 và tiến hành lập biên bản sự việc nhưng ông C, bà H không hợp tác và không ký biên bản. Ngày 25/3/2018, ông Th và ông T tiếp tục phát hiện ông C, bà H lấn chiếm đất nên đã tiến hành lập biên bản nhưng ông C, bà H không hợp tác làm việc, không ký biên bản. Tất cả các lần vi phạm của ông C, bà H thì ông T, ông T đều báo cho công ty biết để xử lý.

Tại bản án số: 11/2022/DS-ST ngày 05/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông đã tuyên xử:

“1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Cao su Đ Đắk Nông, buộc ông Nông Quốc C và bà Nông Thị H phải giao cho công ty Cổ phần Cao su Đ Đắk Nông 22.556m² đất, có tứ cận: phía Bắc giáp đường dân sinh dài 125.80m; phía Đông giáp đất công ty Đ dài 166,06m; phía Tây giáp đất ông C, bà H dài 148.99m; phía Nam giáp (khe suối) và đất công ty Đ dài 178,31m, thuộc thửa đất số 02 tiểu khu 839, xã Đắk Wil, huyện C, tỉnh Đắk Nông. (Theo sơ đồ trích đo hiện trạng đất ngày 12/7/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

Giao cho Công ty Cổ phần Cao su Đ Đắk Nông quản lý, sử dụng các loại tài sản trên diện tích 22.556m² đất tranh chấp theo biên bản xem xét thẩm định ngày 16/6/2020 của Hội đồng xem xét thẩm định.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nông Quốc C, bà Nông Thị H, buộc Công ty Cổ phần Cao su Đ Đắk Nông phải bồi thường cho ông Nông Quốc C và bà Nông Thị H tổng số tiền 347.407.900 đồng (trong đó tiền đất 203.004.000 đồng, tài sản trên đất trị giá 144.403.900 đồng) ”.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/7/2022 Công ty Cổ phần Cao su Đ Đắk Nông kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu phản tố của bị đơn đối với phần bồi thường tiền đất và tài sản trên đất với số tiền 347.407.900 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc chấp nhận bồi thường giá trị tài sản trên đất nhưng đề nghị Hội đồng xét xử

(HĐXX) ngừng phiên tòa để định giá lại đối với tài sản trên đất và không chấp nhận yêu cầu phản tố về việc đề nghị bồi thường tiền đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Việc thụ lý yêu cầu phản tố không đúng theo quy định tại Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì yêu cầu phản tố đưa ra sau thời điểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và từ việc thụ lý yêu cầu phản tố không đúng dẫn đến giải quyết tuyên chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là không đúng. Mặt khác, Bản án tuyên buộc Công ty cổ phần Cao su Đ bồi thường tiền đất là không đúng vì diện tích đất tranh chấp nằm trong tổng diện tích đất đã được UBND tỉnh Đắk Nông giao cho Công ty cổ phần Cao su Đ và trả tiền thuê đất hàng năm. Hơn nữa trước khi thu hồi và giao thì Công ty cổ phần Cao su Đ đã chi trả tiền cho các hộ dân bị ảnh hưởng nhưng không có hộ ông C, bà H trong danh sách.

Do đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của ty Cổ phần Cao su Đ Đắk Nông, hủy bản án sơ thẩm số: 11/2022/DS-ST ngày 05/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần Cao su Đ- Đắk Nông, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về việc thụ lý đơn yêu cầu phản tố: Ngày 16/3/2022 Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử, ngày 21/7/2022 bị đơn mới yêu cầu phản tố và Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý là vi phạm thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sửa chữa, bổ sung bản án: Tòa án cấp sơ thẩm sửa chữa, bổ sung bản án bằng hình thức ra Thông báo là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 268 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm sửa chữa Điều luật áp dụng là không đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 268 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, nhận thấy:

[2.1]. Cấp sơ thẩm xác định vị trí, diện tích đất đang tranh chấp giữa các bên nằm trong phần diện tích đất 1.253,48ha của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông cho Công ty Đ thuê để thực hiện dự án trồng Cao su, trồng rừng và quản lý, bảo vệ rừng theo Quyết định số: 409/QĐ-UBND Ngày 24/3/2011 và UBND tỉnh Đắk Nông đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Đ nên đã chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của Công ty Đồng Phú, buộc ông C, bà H trả lại diện tích đất lấn chiếm là 22.556m² là có căn cứ và phù hợp theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn tuyên buộc Công ty Đ phải bồi thường tiền giá trị đất là không đúng theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Luật đất đai. Bởi lẽ, ông C, bà H có hành vi lấn chiếm đất và đã đồng ý trả lại đất lấn chiếm theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất. Mặc khác, Công ty Đ là bên thuê đất, trả tiền thuê hàng năm cho bên cho thuê là UBND tỉnh Đắk Nông theo Quyết định số 409/QĐ-UBND ngày 24/3/2011.

[2.2]. Xét yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu nguyên đơn bồi thường tài sản gắn liền với đất:

Theo Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 13/3/2009, quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 30/01/2008 và Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 06/3/2008 của UBND huyện C “*về việc phê duyệt phương án hỗ trợ, bồi thường thực hiện dự án ổn định dân di cư tự do và phát triển cây cao su tại xã Đắk Wil và xã Ea Pô huyện C*” thì “*Nguồn kinh phí: Do Công ty cổ phần cao su Đ chịu trách nhiệm chi trả cho các hộ dân*”, thực tế Công ty Đ đã thực hiện chi trả giá trị cây trồng và công trình xây dựng trên đất lấn chiếm trong phạm vi diện tích đất thuê cho các hộ dân. Do vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn đối với yêu cầu nguyên đơn bồi thường, hỗ trợ giá trị tài sản và cây trồng trên đất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện C và Biên bản định giá tài sản ngày 19/8/2020 với số tiền 144.403.900 đồng cho hộ ông C, bà H là có căn cứ.

[2.3]. Việc tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn yêu cầu xem xét thẩm định và định giá lại tài sản nhưng qua hai cấp xét xử phía nguyên đơn đều chấp nhận bồi thường hỗ trợ giá trị tài sản trên đất, quá trình giải quyết vụ án và công khai chứng cứ phía nguyên đơn không có ý kiến gì về kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và kết quả định giá tài sản đều này chứng tỏ việc định giá tài sản là chính xác nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nêu trên.

[3]. Từ những vấn đề nhận định và phân tích nêu trên xét thấy: Tuy cấp sơ thẩm có vi phạm về trình tự, thủ tục tố tụng như đã nhận định tại mục [1] nêu trên nhưng việc giải quyết tài sản gắn liền trên diện tích đất đang tranh chấp mới đảm bảo tính toàn diện, khách quan và triệt để của của vụ án và việc vi phạm thủ tục tố tụng này không ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự nên quan điểm của đại diện viện kiểm sát đề nghị hủy án sơ thẩm để giải quyết lại là không cần thiết nên không chấp nhận. Có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DS-ST ngày 05/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông theo hướng buộc Công ty Cổ phần Cao su Đ- Đắk Nông bồi thường tài sản gắn liền trên đất cho ông C, bà H có giá trị là 144.403.900 đồng, Công ty Đ được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản, cây trồng gắn liền trên diện tích đất tranh chấp; không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông C, bà H buộc Công ty Đ bồi thường, hỗ trợ giá trị đất 203.004.000 đồng.

[4]. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá: Công ty Đ phải chịu 2.495.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại Tòa án. Ông Nông Quốc C và bà Nông Thị H phải chịu 2.495.000 đồng tiền chi phí thẩm định, số tiền này do Công ty Đ đã nộp nên ông C, bà H phải trả cho công ty Đ 2.495.000 đồng.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu phản tố của ông C, bà H được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nên buộc Công ty Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.220.000 đồng; buộc ông C, bà H phải chịu phí dân sự sơ thẩm là 10.150.000 đồng.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên Công ty Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho Công ty Đ cáo số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[7]. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DS-ST ngày 05/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần Cao su Đ- Đắk Nông. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DS-ST ngày 05/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Áp dụng khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 52 của Luật đất đai 2003; khoản 5 Điều 166, khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai 2013; khoản 1 Điều 221 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nông Quốc C và bà Nông Thị H. Buộc Công ty Cổ phần Cao su Đ- Đắk Nông phải bồi thường, hỗ trợ giá trị tài sản, cây trồng trên đất cho ông C, bà H với số tiền 144.403.900 đồng. Công ty Cổ phần Cao su Đ- Đắk Nông được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản, cây trồng gắn liền trên đất.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố về việc yêu cầu Công ty Cổ phần Cao su Đ- Đắk Nông bồi thường tiền đất là 203.004.000 đồng.

Áp dụng Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất cho khoản tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá: Công ty Đ phải chịu 2.495.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại Tòa án. Ông Nông Quốc C và bà Nông Thị H phải

chịu 2.495.000 đồng tiền chi phí thẩm định, số tiền này do Công ty Đ đã nộp nên ông C, bà H phải trả cho công ty Đ 2.495.000 đồng.

3. Về án phí:

3.2. *Án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc ông Nông Quốc C và bà Nông Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 10.150.000, được khấu trừ vào số tiền 8.685.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006079 ngày 21/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông. Ông Nông Quốc C và bà Nông Thị H còn phải nộp bổ sung số tiền 1.765.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Buộc Công ty Cổ phần Cao su Đ- Đắk Nông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.220.000 đồng. Được khấu trừ vào số 5.075.000 đồng do Công ty Cổ phần Cao su Đ- Đắk Nông theo biên lai số 0000577 ngày 13/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, Đắk Nông. Công ty Cổ phần Cao su Đ- Đắk Nông còn phải nộp bổ sung số tiền 2.145.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông.

3.2. *Án phí dân sự phúc thẩm:* Trả lại cho Công ty Cổ phần Cao su Đ- Đắk Nông số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên số 0003906 ngày 04/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông.

4. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DS-ST ngày 05/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Anh Ứng

